

Bản án số: **03/2018/DS-ST**  
Ngày: 30/11 /2018.  
V/v Tranh chấp hợp đồng  
mua bán

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Nhấn**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Lâm Ngọc Hà**
2. Ông **Nguyễn Văn Ngư**

*Thư ký Tòa án:* Ông **Đinh Quốc Thanh**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm C khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2018/TLST-KDTM ngày 16 tháng 10 năm 2018, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2018/QĐXX- ST, ngày 12 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2018/QĐST-KDTM ngày 23/11/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Trần Đại H**, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Mỏ Ó, xã Trung B, huyện Trần Đ, tỉnh Sóc Trăng.

*-Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn H:* là bà **Trương Thị Diễm M**, sinh năm 1990 (có mặt). Theo giấy ủy quyền ngày 24/10/2018.

Địa chỉ: số 383/226, đường 30/4, khóm 5, phường 9, thành phố Sóc T, tỉnh Sóc T.

*Bị đơn:* Ông **Trần Phạm C**, sinh năm 1951 (vắng mặt).

Địa chỉ ấp Xây Đ, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn H bà Trương Thị Diễm M trình bày:***

Ngày 20/7/2017, ông Trần Đại H và ông Trần Phạm C có ký kết hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản. Theo thỏa thuận tại hợp đồng này, thì ông H bán thức ăn thủy sản cho ông C khi ông C đặt hàng, hàng hóa được nhân viên giao hàng chở tận nơi tại kho của ông C và ông C ký nhận vào sổ theo dõi giao nhận hàng. Cuối mỗi tháng, ông H sẽ gửi bảng đối chiếu C nợ cho ông C kiểm tra và ký vào. Tại thời điểm ký kết hợp đồng mua bán, ông C còn nợ số tiền 135.996.000 đồng. Trước khi ký kết hợp đồng, ông C đã đưa cho ông H giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00778 để tạo sự tin tưởng và đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, nên ông H đồng ý tiếp tục bán hàng cho ông C.

Ngày 30/8/2017, hai bên đã tiến hành lập bảng đối chiếu xác nhận C nợ số tiền ông C còn nợ là 140.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng và ông C trả hết số tiền hàng còn nợ ông H tại thời điểm chấm dứt hợp đồng. Lúc này ông C đã xin lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với lý do để ông C vay Ngân hàng và trả nợ cho ông H, nên ông H đồng ý trả lại. Tuy nhiên, sau khi ông H đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông C, thì ông C đã vay tiền Ngân hàng nhưng không trả nợ cho ông H như đã hứa. Sau đó, ông H nhiều lần liên hệ với ông C để yêu cầu ông C thanh toán số tiền còn nợ cho ông H, nhưng ông C đã cố tình không thanh toán cho ông H.

Nay ông Trần Đại H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng giải quyết buộc ông Trần Phạm C phải trả số tiền hàng còn nợ là 140.000.000 đồng đồng và tiền lãi chậm trả 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng, tính từ ngày 30/8/2017 đến ngày 30/9/2018 là 13 tháng số tiền là 15.106.000 đồng. Tổng cộng ông C phải thanh toán là 155.106.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *\* Về tố tụng:*

[1] Đối với ông Trần Phạm C là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện, cụ thể yêu cầu bị đơn ông Trần Phạm C trả số tiền mua bán thức ăn thủy sản là 140.000.000 đồng và lãi chậm trả 10%/năm, tính từ ngày 30/8/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 30/11/2018 (là 15 tháng x 0,83%) = 17.430.000 đồng, tổng cộng 157.430.000 đồng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

#### *\* Về quan hệ pháp luật và yêu cầu của đương sự:*

[2] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền mua thức ăn thủy sản còn nợ và tính lãi 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”.

*\*Về nội dung vụ án:*

[3] Ngày 20/7/2017, ông Trần Đại H và ông Trần Phạm C có ký kết hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản. Theo thỏa thuận tại hợp đồng này, thì ông H bán thức ăn thủy sản cho ông C khi ông C đặt hàng, hàng hóa được nhân viên giao hàng chở tận nơi tại kho của ông C và ông C ký nhận vào sổ theo dõi giao nhận hàng. Cuối mỗi tháng, ông H sẽ gửi bảng đối chiếu C nợ cho ông C kiểm tra và ký vào. Tại thời điểm ký kết hợp đồng mua bán, ông C còn nợ số tiền 135.996.000 đồng. Ngày 30/8/2017, hai bên đã tiến hành lập bảng đối chiếu xác nhận C nợ số tiền ông C còn nợ là 140.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng và ông C trả hết số tiền hàng còn nợ ông H tại thời điểm chấm dứt hợp đồng. Sau đó, ông H nhiều lần liên hệ với ông C để yêu cầu ông C thanh toán số tiền còn nợ cho ông H, nhưng ông C đã cố tình không thanh toán cho ông H.

[4] Giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản với nhau. Phía nguyên đơn là đại lý Trường Hải có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hình thức hợp đồng mua bán có lập hợp đồng ngày 20/7/2017, thể hiện hai bên đều ký tên vào hợp đồng và bảng đối chiếu xác nhận C nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi giao kết hợp đồng phía nguyên đơn ông Trần Đại H và bị đơn ông Trần Phạm C đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên C nhận Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa ông Trần Đại H và ông Trần Phạm C, là hợp pháp.

[5] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trương Thị Diễm M yêu cầu bị đơn ông Trần Phạm C phải trả nợ tiền mua bán thức ăn thủy sản cho ông Trần Đại H một lần số tiền hàng còn nợ là 140.000.000 đồng và lãi chậm trả 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng, tính từ ngày 30/8/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 30/11/2018 là 15 tháng x 0,83% với số tiền 17.430.000 đồng, tổng cộng ông C phải thanh toán cho ông H là 157.430.000 đồng và trả một lần. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

\* Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên **bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch** theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do bị đơn ông Trần Phạm C, sinh năm 1951 thuộc đối tượng là người cao tuổi (hiện nay trên 60 tuổi), nên Hội đồng xét xử quyết định cho ông C được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định đại điểm đ, khoản 1, Điều 12 **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội**.

\* Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3, Điều 26; điểm b, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; khoản 1, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**Áp dụng: Điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.**

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn ông Trần Đại H. Buộc bị đơn ông Trần Phạm C phải trả cho ông Trần Đại H số tiền thiếu mua bán thức ăn thủy sản còn thiếu là 140.000.000 đồng và lãi chậm trả 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng, tính từ ngày 30/8/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 30/11/2018 là 15 tháng x 0,83% là 17.430.000 đồng. Tổng cộng ông Trần Phạm C phải trả cho ông H là 157.430.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Trần Đại H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Trần Phạm C còn phải trả lại cho ông H theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền gốc chậm thi hành án.

2. Về án phí: Bị đơn ông Trần Phạm C được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.877.650 đồng theo biên lai thu số 0003767 ngày 02/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**Nguyễn Văn Nhẫn**